

## CHƯƠNG V. YÊU CẦU KỸ THUẬT GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ

STT	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Xuất xứ
1	Bông (gòn) y tế	Bông thấm nước, không vụn, 100% bông tự nhiên hoặc tương đương		Kg	
2	Bông không thấm nước	Bông không thấm nước hoặc tương đương		Kg	
3	Bông gòn viên	Bông gòn viên các cỡ hoặc tương đương		Kg	
4	Bông gòn viên	Bông thấm nước (viên 15mm), 100% bông tự nhiên hoặc tương đương		Kg	
5	Bông gòn viên	Bông thấm nước (viên 20mm), 100% bông tự nhiên hoặc tương đương		Kg	
6	Bông gòn viên	Bông thấm nước (viên 30mm), 100% bông tự nhiên hoặc tương đương		Kg	
7	Que lấy bệnh phẩm	Tăm bông y tế tiết trùng 5mm (1 đầu gòn), dài 10 cm - 20 cm hoặc tương đương		Que	
8	Que lấy bệnh phẩm	Que phết âm đạo hoặc tương đương		Que	
9	Băng bột bó	Băng bột bó xương (7,5cm x 2,7m), ≥ 97% thạch cao nguyên chất hoặc tương đương		Cuộn	
10	Băng bột bó	Băng bột bó xương (15cm x 2,7m), ≥ 97% thạch cao nguyên chất hoặc tương đương		Cuộn	
11	Băng thun	Băng thun 3 móc kích thước 10cm x 4,5m hoặc tương đương		Cuộn	
12	Băng thun có keo dán sườn	Băng thun có keo dán sườn 10cm x 4,5m hoặc tương đương		Cuộn	
13	Băng cuộn vải	Băng cuộn vải 9cm x 2,5m hoặc tương đương		Cuộn	
14	Băng keo cá nhân	Băng keo cá nhân hoặc tương đương		Miếng	
15	Băng keo cá nhân	Băng keo 20mm x 60mm. Sợi vải đàn hồi: viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, gạc thấm hút phủ lớp chống dính polyethylene hoặc tương đương		Miếng	
16	Băng dính lụa	Băng dính lụa ≥ (2,5cm x 5m), keo oxyd kẽm không dùng dung môi hoặc tương đương		Cuộn	
17	Băng dính lụa	Băng dính cuộn vải lụa y tế ≥ 2,5cm x 5m. Vải lụa Taffeta màu trắng, 100% sợi cellulose acetate, mềm mại với độ bền kéo mạnh, dễ xé ngang dọc, trọng lượng 80-90g/m <sup>2</sup> . Độ phủ keo 50- 60g/m <sup>2</sup> , số sợi 44x18/cm <sup>2</sup> , lực dính 1,8 – 5,5 N/cm <sup>2</sup> . Bờ răng cưa hai bên giúp xé được nhanh, không cần dùng kéo. Băng thông thoáng, có độ dính cao. Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Keo an toàn không gây dị ứng. Lõi: liền với cánh bảo vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 13485:2016; ISO 14001: 2015; ISO 9001: 2015, ISO 11135: 2014		Cuộn	Đông Nam Á

18	Băng dính	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 10m hoặc tương đương		Cuộn	
19	Băng dính	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 2,5m polyester co giãn tráng keo acrylic hoặc tương đương		Cuộn	
20	Băng dính	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc, cố định kim luôn, kích thước 100mm x 90mm, keo acrylic hoặc tương đương		Miếng	Đông Nam Á
21	Bông gạc đắp vết thương	Bông gạc đắp vết thương 6cm x 10cm 2 lớp hoặc tương đương		Miếng	
22	Bông gạc đắp vết thương	Bông gạc đắp vết thương 8cm x 15cm 2 lớp hoặc tương đương		Miếng	
23	Bông gạc đắp vết thương	Bông gạc đắp vết thương 9cm x 16cm 2 lớp hoặc tương đương		Miếng	
24	Bông gạc đắp vết thương	Bông gạc đắp vết thương 15cm x 20cm 2 lớp hoặc tương đương		Miếng	
25	Gạc ép phẫu thuật sọ não	Gạc ép phẫu thuật sọ não hoặc tương đương		Miếng	
26	Gạc y tế không tiết trùng	Gạc y tế 10cm x 10cm x 8 lớp, không tiết trùng, gấp biên hoặc tương đương		Miếng	
27	Gạc y tế không tiết trùng	Gạc y tế 9cm x 16cm x 8 lớp, không tiết trùng gấp biên, 100% cotton tẩy trắng hoặc tương đương	100 miếng/gói	Gói	
28	Gạc y tế tiết trùng	Gạc tiết trùng 5cm x 6,5cm x 12 lớp hoặc tương đương		Miếng	
29	Gạc phẫu thuật	Gạc phẫu thuật 9cm x 16cm x 10 lớp, chưa tiết trùng hoặc tương đương		Miếng	
30	Gạc phẫu thuật	Gạc phẫu thuật 30cm x 40cm x 6 lớp, cân quang vô trùng hoặc tương đương		Miếng	
31	Gạc hút	Gạc hút 0,8m x 100m hoặc tương đương		mét	
32	Bộ tiêm chích FAV	Bộ tiêm chích FAV hoặc tương đương.		Gói	
33	Bộ tiêm chích FAV	Bộ tiêm chích FAV: Khăn chống thấm (40-45)x 60cm: 1 gói; Gạc lót đốc kim 3,5 x 5cm 4 lớp: 2 cái; Gạc phẫu thuật không dệt 7,5x7,5cm 6 lớp: 4 cái; Gạc thận nhân tạo 3,5x4,5 cm 60 lớp: 2 cái Được tiết trùng bằng EO hoặc tương đương		Gói	
34	Gạc gắn với băng dính	Băng có gạc vô trùng, kích thước 9cm x 10cm hoặc tương đương		Miếng	
35	Gạc gắn với băng dính	Băng có gạc vô trùng, không thấm nước, kích thước 9cm x 20cm hoặc tương đương		Miếng	
36	Gạc gắn với băng dính	Băng có gạc vô trùng nền keo acrylic, kích thước 9cm x 20cm hoặc tương đương		Miếng	
37	Gạc gắn với băng dính	Băng có gạc vô trùng nền keo acrylic, kích thước 9cm x 25cm hoặc tương đương		Miếng	
38	Vật liệu cầm máu mũi	Miếng xốp cầm máu mũi hoặc tương đương		Miếng	
39	Miếng cầm máu bằng Gelatin dạng bột xốp	Miếng cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp (70-80)mm x 50mm x 10mm hoặc tương đương		Miếng	Châu Âu

40	Vật liệu cầm máu tự tiêu	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, kích thước 10,2 x 20,3 cm, chất liệu sợi rayon cellulose hoặc tương đương		Miếng	G7
41	Vật liệu cầm máu tự tiêu	Vật liệu cầm máu dạng bông nhiều lớp kích thước 5,1 cm x 10,2 cm, chất liệu sợi rayon cellulose hoặc tương đương		Miếng	G7
42	Sáp cầm máu	Sáp cầm máu xương 2,5gram hoặc tương đương		Miếng	
43	Bơm tiêm cho ăn	Bơm tiêm 50ml (cho ăn) hoặc tương đương		Cái	
44	Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm tự động	Bơm tiêm 50ml sử dụng cho máy bơm tiêm tự động các dòng máy TOP, B.Braun, Fresenius. Đốc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện, bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml hoặc tương đương		Cái	G7
45	Bơm tiêm thuốc cân quang	Bơm tiêm thuốc cân quang 100ml hoặc tương đương		Cái	
46	Bơm tiêm insulin	Bơm tiêm insulin 100UI/ml hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
47	Bơm tiêm nhựa liền kim	Bơm kim tiêm nhựa 20ml (kim các số). Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
48	Bơm tiêm nhựa liền kim	Bơm kim tiêm nhựa 10ml (kim các số). Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		cái	Đông Nam Á
49	Bơm tiêm nhựa liền kim	Bơm kim tiêm nhựa 10ml. Kim làm bằng thép không gỉ, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		cái	G7
50	Bơm tiêm nhựa liền kim	Bơm kim tiêm nhựa 5ml (kim các số). Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		cái	Đông Nam Á
51	Bơm tiêm nhựa liền kim	Bơm kim tiêm nhựa 5ml. Kim làm bằng thép không gỉ, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		cái	G7
52	Bơm tiêm nhựa liền kim	Bơm kim tiêm nhựa 3ml (kim các số). Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		cái	Đông Nam Á
53	Bơm tiêm nhựa liền kim	Bơm kim tiêm nhựa 3ml. Kim làm bằng thép không gỉ, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		cái	G7
54	Bơm tiêm nhựa liền kim	Bơm kim tiêm nhựa 1ml (kim các số) hoặc tương đương		cái	Đông Nam Á
55	Kim lấy máu đường huyết	Kim lấy máu đường huyết hoặc tương đương		Cái	
56	Kim lấy máu, lấy thuốc	Kim số 18G hoặc tương đương		Cái	
57	Kim lấy máu, lấy thuốc	Kim các số 18G x 1x1/2" hoặc tương đương		Cái	
58	Kim lấy máu, lấy thuốc	Kim số 23G hoặc tương đương		Cái	

59	Kim lấy máu, lấy thuốc	Kim số 26G x 1.1/2" hoặc tương đương		Cái	
60	Kim nha khoa	Kim nha ngắn 27G 0,40x21mm hoặc tương đương		Cái	
61	Kim luồn	Kim luồn số 18G có cánh, có công, có cửa bơm thuốc. Mũi kim làm bằng thép không gỉ 304, thiết kế 3 mặt vát Thân kim trong suốt hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
62	Kim luồn	Kim luồn số 20G có cánh, có công, có cửa bơm thuốc. Mũi kim làm bằng thép không gỉ 304, thiết kế 3 mặt vát Thân kim trong suốt hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
63	Kim luồn	Kim luồn số 22G có cánh, có công, có cửa bơm thuốc. Mũi kim làm bằng thép không gỉ 304, thiết kế 3 mặt vát Thân kim trong suốt hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
64	Kim luồn	Kim luồn số 24G có cánh, có công, có cửa bơm thuốc. Mũi kim làm bằng thép không gỉ 304, thiết kế 3 mặt vát Thân kim trong suốt hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
65	Kim luồn	Kim luồn mạch máu an toàn, cánh nhỏ, không công số 24G, kích thước 0,7mm * 19mm. Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa. Có cánh báo máu sớm, có lỗ trên thân kim. Catheter chất liệu bằng Fluorinated Ethylene Propylene (FEP), có 4 đường ngầm cân quang. Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. Đóng gói tiệt khuẩn EO. Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		Cái	Châu Âu
66	Kim luồn	Kim luồn tĩnh mạch an toàn kín, có cánh, không cửa, các số các cỡ. Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Kim luồn đạt tiêu chuẩn kín (closed - system). Có vách ngăn chống máu trào ngược. Đầu kim vát 3 mặt. Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu PUR. Màng kỵ nước chống máu ra khi thiết lập đường truyền. Đường kính và độ dài catheter: 1,3mm x 45mm; 1,1mm x 32mm; 0,9mm x 25mm; 0,7mm x 19mm. Catheter có thể được sử dụng với bơm áp lực cao ở áp suất tối đa là 325 psi. Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
67	Nút chặn đuôi kim luồn	Nút chặn đuôi kim luồn có công bơm thuốc, tiệt trùng bằng ethylene oxide hoặc tương đương		Cái	
68	Nút chặn đuôi kim luồn	Nút chặn kim luồn hoặc tương đương		Cái	
69	Kim chọc dò tủy sống	Kim chọc dò tủy sống số 22G hoặc tương đương		Cái	
70	Kim chọc dò tủy sống	Kim chọc dò tủy sống số 25G hoặc tương đương		Cái	
71	Kim gây tê tủy sống	Kim gây tê tủy sống số 25G x 3.1/2" hoặc tương đương		Cái	
72	Kim gây tê tủy sống	Kim gây tê tủy sống số 27G x 3.1/2" hoặc tương đương		Cái	

73	Kim gậy tê đám rối thần kinh dưới siêu âm	Kim gậy tê đám rối thần kinh dưới siêu âm hoặc tương đương		Cái	
74	Kim gậy tê đám rối thần kinh dưới siêu âm	Bộ dụng cụ gậy tê đám rối thần kinh ngoại biên, bao gồm kim gậy tê có phân xạ siêu âm, bộ phận hỗ trợ luân catheter, bộ nối catheter hoặc tương đương		Cái	
75	Kim châm cứu	Kim châm cứu vô trùng các số, các cỡ hoặc tương đương	Mỗi cây được ép kín riêng biệt	Cái	
76	Kim châm cứu	Kim châm cứu 4,5cm hoặc tương đương		Cái	
77	Kim châm cứu	Kim châm cứu 7,5cm, vô trùng hoặc tương đương	Mỗi cây được ép kín riêng biệt	Cái	
78	Kim đẩy chỉ	Kim đẩy chỉ vô trùng dùng 01 lần 0,30 x 33 mm hoặc tương đương	Mỗi cây được ép kín riêng biệt	Cái	
79	Dây 3 ngã	Dây 3 ngã dài 90cm - 100cm hoặc tương đương		Bộ	
80	Dây 3 ngã	Khóa ba ngã 90cm - 100cm gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. Có dây nối dài mềm dẻo có khóa chặn dòng. hoặc tương đương		Bộ	
81	Dây dịch truyền	Dây truyền dịch 20 giọt/ml. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8,5\text{ml}$ , có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$ . Độ dài dây dẫn truyền dịch $\geq 1500\text{mm}$ . Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Có bầu cao su tiếp thuốc Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Tiêu chuẩn CE hoặc FDA Hoặc tương đương		Bộ	Đông Nam Á
82	Dây dịch truyền	Dây truyền dịch 20 giọt/ml sử dụng cho máy đếm giọt tự động cho các dòng máy TOP, B.Braun, Fresenius Van khoá điều chỉnh Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Độ dài dây truyền $\geq 1800\text{mm}$ . Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có công bơm thuốc chữ Y sử dụng xanh không cần kim Có màng lọc một chiều ở cuối dây truyền để ngăn dịch, máu trào ngược gây tắc đường truyền Tiêu chuẩn CE hoặc FDA Hoặc tương đương		Bộ	G7
83	Dây dịch truyền	Dây truyền dịch 20 giọt/ml Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8,5\text{ml}$ . Có công tiếp thuốc chữ Y. Độ dài dây dẫn truyền dịch $\geq 1800\text{mm}$ . Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1".		Bộ	Đông Nam Á

		Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Tiêu chuẩn CE hoặc FDA Hoặc tương đương			
84	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch 60 giọt/ml hoặc tương đương		Bộ	
85	Dây nối oxy	Dây nối oxy hoặc tương đương		Bộ	
86	Dây thở oxy	Dây thở oxy 2 lỗ sơ sinh hoặc tương đương		Bộ	
87	Dây thở oxy	Dây thở oxy 2 nhánh sơ sinh Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi Dây dẫn có chiều dài $\geq 2,3m$ , lòng ống có khóa chống gập. Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương		Bộ	G7
88	Dây thở oxy	Dây thở oxy 2 nhánh trẻ em hoặc tương đương		Bộ	
89	Dây thở oxy	Dây thở oxy 2 nhánh trẻ em Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi Dây dẫn có chiều dài $\geq 2,3m$ , lòng ống có khóa chống gập. Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương		Bộ	G7
90	Dây thở oxy	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn hoặc tương đương		Bộ	
91	Dây thở oxy	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi Dây dẫn có chiều dài $\geq 2,3m$ , lòng ống có khóa chống gập. Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương		Bộ	G7
92	Dây thở cho máy thở	Dây thở cho máy thở/ máy gây mê (co giãn) hoặc tương đương		Bộ	
93	Dây truyền máu	Dây truyền máu hoặc tương đương		Bộ	Đông Nam Á
94	Dây nối	Dây nối truyền thuốc, dây dài 140cm, thể tích chứa thuốc từ $\leq 2ml$ hoặc tương đương		Cái	
95	Dây nối	Dây nối truyền thuốc, dây dài 140cm, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, chống xoắn. Đường kính trong $\leq 0,9 mm$ Đường kính ngoài $\leq 1,9mm$ Đầu nối Luer Lock, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) hoặc tương đương		Cái	G7
96	Dây nối	Dây nối 75 cm hoặc tương đương		Cái	

97	Dây nối	Dây nối truyền thuốc, dây dài 75cm, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, chống xoắn. Đường kính trong $\leq 0,9$ mm Đường kính ngoài $\leq 1,9$ mm Đầu nối Luer Lock, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) hoặc tương đương		Cái	G7
98	Dây nối	Dây nối truyền thuốc, dây dài 30cm, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, chống xoắn. Đường kính trong $\leq 0,9$ mm Đường kính ngoài $\leq 1,9$ mm Đầu nối Luer Lock, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) hoặc tương đương		Cái	G7
99	Khóa 3 ngã	Khóa 3 ngã không dây hoặc tương đương		Cái	
100	Găng tay cao su không bột	Găng cao su không bột, đầu ngón tay nhám các cỡ hoặc tương đương		Đôi	
101	Găng tay kiểm tra	Găng tay kiểm tra size S hoặc tương đương		Đôi	
102	Găng tay kiểm tra	Găng tay kiểm tra size M hoặc tương đương		Đôi	
103	Găng khám không bột	Găng khám không bột hoặc tương đương		Đôi	
104	Găng tay cổ tay dài	Găng tay cổ tay dài các cỡ, chiều dài $\geq 280$ mm và $\leq 300$ mm, chiều dày 1 lớp $\geq 0,13$ mm hoặc tương đương		Đôi	
105	Găng tầm soát tử cung	Găng tầm soát tử cung, găng tay dài sản khoa các cỡ hoặc tương đương		Đôi	
106	Găng phẫu thuật chưa tiệt trùng	Găng phẫu thuật chưa tiệt trùng số 7, chiều dày 1 lớp $\geq 0,13$ mm hoặc tương đương		Đôi	
107	Găng phẫu thuật chưa tiệt trùng	Găng phẫu thuật chưa tiệt trùng số 7,5, chiều dày 1 lớp $\geq 0,13$ mm hoặc tương đương		Đôi	
108	Găng phẫu thuật tiệt trùng	Găng phẫu thuật tiệt trùng số 6,5 hoặc tương đương		Đôi	
109	Găng phẫu thuật tiệt trùng	Găng phẫu thuật tiệt trùng số 7 hoặc tương đương		Đôi	
110	Găng phẫu thuật tiệt trùng	Găng phẫu thuật tiệt trùng số 7,5 hoặc tương đương		Đôi	
111	Dây cho ăn	Dây cho ăn số 8 có nắp hoặc tương đương		Cái	
112	Dây cho ăn	Dây cho ăn số 10, 12, 14 có nắp hoặc tương đương		Cái	
113	Dây cho ăn	Dây cho ăn số 10 có nắp hoặc tương đương		Cái	
114	Dây cho ăn	Dây cho ăn số 12 có nắp hoặc tương đương		Cái	
115	Dây cho ăn	Dây cho ăn số 14 có nắp hoặc tương đương		Cái	

116	Dây cho ăn	Dây cho ăn số 16 có nắp hoặc tương đương		Cái	
117	Dây cho ăn	Dây cho ăn số 16 không nắp hoặc tương đương		Cái	
118	Túi đo máu	Túi đo máu sau sanh hoặc tương đương		Cái	
119	Lọ đựng bệnh phẩm có nắp	Lọ đựng bệnh phẩm có nắp, làm từ nhựa PS, thể tích $\geq 50\text{ml}$ hoặc tương đương		Cái	
120	Lọ đựng bệnh phẩm có nắp	Lọ đựng bệnh phẩm vô trùng, có nhãn ghi thông tin, có nắp hoặc tương đương		Cái	
121	Ống lưu mẫu	Ống nghiệm nhỏ PS 5ml có nắp trắng hoặc tương đương		Cái	
122	Ống lưu mẫu	Ống lưu mẫu Eppendorf 1,5ml hoặc tương đương		Cái	
123	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh	Ống huyết thanh nắp đỏ, dung tích tối đa $6 \pm 0,1\text{ml}$ có hạt nhựa hoặc tương đương		Cái	
124	Ống hematocrite	Ống mao quản lấy máu tĩnh mạch hay Ống hematocrite hoặc tương đương	Ống 100 cây	Ống	
125	Ống Heparin	Ống Heparin 2ml hoặc tương đương		Cái	
126	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm EDTA nắp nhựa, chống đông 2ml máu, có vạch chia thể tích hoặc tương đương		Cái	
127	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm EDTA nắp cao su chống đông 2ml máu, có vạch chia thể tích hoặc tương đương		Cái	
128	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm EDTA nắp nhựa, chống đông 1ml máu, có vạch chia thể tích hoặc tương đương		Cái	
129	Ống nghiệm citrate	Ống nghiệm citrate, chống đông 1ml hoặc tương đương		Cái	
130	Ống nghiệm citrate	Ống nghiệm citrate, chống đông 2ml hoặc tương đương		Cái	
131	Ống nghiệm NaF	Ống nghiệm NaF 2ml hoặc tương đương		Cái	
132	Túi chứa nước tiểu	Túi chứa nước tiểu 2 lít có quai treo và dây treo, van xả 1 chiều, chống trào ngược, nhiễm trùng hoặc tương đương	Túi 2 lít	Cái	
133	Airway	Airway các số hoặc tương đương		Cái	
134	Airway	Airway số 0 hoặc tương đương		Cái	
135	Airway	Airway số 1 hoặc tương đương		Cái	
136	Airway	Airway số 2 hoặc tương đương		Cái	
137	Airway	Airway số 3 hoặc tương đương		Cái	
138	Airway	Airway số 4 hoặc tương đương		Cái	
139	Ống ca-nuyn (cannula)	Ca-nuyn mở khí quản các số (có bóng chèn) hoặc tương đương		Cái	

140	Canuyn mở khí quản 02 nòng	Ca-nuyn mở khí quản 02 nòng các số bóng chèn, không cửa sổ hoặc tương đương		Cái	
141	Canuyn mở khí quản 02 nòng	Ca-nuyn mở khí quản 02 nòng các số (số 6, số 8) có bóng chèn, có cửa sổ hoặc tương đương		cái	
142	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng các số hoặc tương đương		Bộ	
143	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 2 hoặc tương đương		Bộ	
144	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 2,5 hoặc tương đương		Bộ	
145	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 3 hoặc tương đương		Bộ	
146	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 3,5 hoặc tương đương		Bộ	
147	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 4 hoặc tương đương		Bộ	
148	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 4,5 hoặc tương đương		Bộ	
149	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 5 hoặc tương đương		Bộ	
150	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 5,5 hoặc tương đương		Bộ	
151	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 6 hoặc tương đương		Bộ	
152	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 6,5 hoặc tương đương		Bộ	
153	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 7 hoặc tương đương		Bộ	
154	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 7,5 hoặc tương đương		Bộ	
155	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 8 hoặc tương đương		Bộ	
156	Nội khí quản đặt qua đường miệng	Nội khí quản đặt qua đường miệng số 8,5 hoặc tương đương		Bộ	
157	Nội khí quản đặt qua đường mũi	Nội khí quản đặt qua đường mũi các số sử dụng một lần hoặc tương đương		Cái	
158	Ống nội khí quản không bóng chèn	Ống nội khí quản không bóng chèn số 3,0 hoặc tương đương		Cái	

159	Ống nội khí quản không bóng chèn	Ống nội khí quản không bóng chèn số 3,5 hoặc tương đương		Cái	
160	Sonde Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 08 hoặc tương đương		Cái	
161	Sonde Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 10 hoặc tương đương		Cái	
162	Sonde Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 12 hoặc tương đương		Cái	
163	Sonde Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 14 hoặc tương đương		Cái	
164	Sonde Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 16 hoặc tương đương		Cái	
165	Sonde Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 18 hoặc tương đương		Cái	
166	Sonde Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 20 hoặc tương đương		Cái	
167	Sonde Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 22 hoặc tương đương		Cái	
168	Sonde Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 20 hoặc tương đương		Cái	
169	Sonde Foley 3 nhánh	Sonde Foley 3 nhánh số 18 hoặc tương đương		Cái	
170	Sonde Foley 3 nhánh	Sonde Foley 3 nhánh số 20 hoặc tương đương		Cái	
171	Sonde Foley 3 nhánh	Sonde Foley 3 nhánh số 22 hoặc tương đương		Cái	
172	Sonde Nelaton	Sonde Nelaton số 14 hoặc tương đương		Cái	
173	Sonde Nelaton	Sonde Nelaton số 16 hoặc tương đương		Cái	
174	Sonde Rectal	Sonde Rectal các số hoặc tương đương		Cái	
175	Sonde Rectal	Sonde Rectal số 16 hoặc tương đương		Cái	
176	Sonde Rectal	Sonde Rectal số 18 hoặc tương đương		Cái	
177	Sonde Rectal	Sonde Rectal số 22 hoặc tương đương		Cái	
178	Sonde Rectal	Sonde Rectal số 24 hoặc tương đương		Cái	
179	Sonde Rectal	Sonde Rectal số 28 hoặc tương đương		Cái	
180	Ống dẫn lưu	Ống dẫn lưu penrose hoặc tương đương		Cái	
181	Ống dẫn lưu ổ bụng	Ống dẫn lưu ổ bụng số 28 hoặc tương đương		Cái	
182	Ống dẫn lưu màng phổi	Ống dẫn lưu màng phổi các cỡ hoặc tương đương		Cái	

183	Ống hút thai	Ống hút thai lớn, trung, nhỏ vô trùng các số hoặc tương đương		Cái	
184	Ống hút thai	Ống hút thai số 4 hoặc tương đương		Cái	
185	Ống hút thai	Ống hút thai số 5 hoặc tương đương		Cái	
186	Ống hút thai	Ống hút thai số 6 hoặc tương đương		Cái	
187	Dây hút đàm nhớt	Dây hút đàm nhớt số 06 có khóa van và dây dẫn. Đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Độ dài dây $\geq 55$ cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số. Có miếng giấy thoát khí EO Tiêu chuẩn CE hoặc FDA Hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
188	Dây hút đàm nhớt	Dây hút đàm nhớt số 07 có khóa van và dây dẫn. Đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Độ dài dây $\geq 55$ cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số. Có miếng giấy thoát khí EO Tiêu chuẩn CE hoặc FDA Hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
189	Dây hút đàm nhớt	Dây hút đàm nhớt số 08 có khóa van và dây dẫn. Đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Độ dài dây $\geq 55$ cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số. Có miếng giấy thoát khí EO Tiêu chuẩn CE hoặc FDA Hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
190	Dây hút đàm nhớt	Dây hút đàm nhớt số 10 có val Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
191	Dây hút đàm nhớt	Dây hút đàm nhớt số 12 có val Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
192	Dây hút đàm nhớt	Dây hút đàm nhớt số 14 có val Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
193	Dây hút đàm nhớt	Dây hút đàm nhớt số 16 có val Tiêu chuẩn CE hoặc FDA hoặc tương đương		Cái	Đông Nam Á
194	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây hút dịch phẫu thuật hoặc tương đương		Cái	
195	Co nối máy thở	Co nối máy thở đường kính 22mm hoặc tương đương		Cái	
196	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, dài 20cm, ống nong 7F hoặc tương đương		Cái	
197	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, dài 20cm, ống nong 12F hoặc tương đương		Cái	
198	Catheter đặt tĩnh mạch rốn	Catheter đặt tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh số 3,5F hoặc tương đương		Cái	

199	Catheter đặt tĩnh mạch rốn	Catheter đặt tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh số 4F hoặc tương đương		Cái	
200	Mask oxy nồng độ cao có túi	Mask oxy nồng độ cao người lớn có túi dự trữ hoặc tương đương		Cái	
201	Mask oxy nồng độ cao có túi	Mask oxy nồng độ cao trẻ em có túi dự trữ hoặc tương đương		Cái	
202	Mask oxy nồng độ cao có túi	Mask oxy nồng độ cao trẻ sơ sinh có túi dự trữ hoặc tương đương		Cái	
203	Bộ Mask thở khí dung	Bộ Mask thở khí dung lớn (người lớn) hoặc tương đương		Cái	
204	Bộ Mask thở khí dung	Bộ Mask thở khí dung nhỏ (trẻ em) hoặc tương đương		Cái	
205	Chỉ khâu eo tử cung	Chỉ khâu eo tử cung hoặc tương đương		Tép	
206	Chỉ không tan tự nhiên kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk, số (7/0), dài 75cm, kim tam giác 13mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
207	Chỉ không tan tự nhiên kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk, số (6/0), dài 75cm, kim tam giác 13mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
208	Chỉ không tan tự nhiên kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk, số (5/0), dài 75cm, kim tam giác 16mm, 3/8 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
209	Chỉ không tan tự nhiên kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk, số (4/0), dài 75cm, kim tam giác 18mm, 3/8vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
210	Chỉ không tan tự nhiên kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk, số (3/0), dài 75cm, kim tam giác 18mm, 3/8 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
211	Chỉ không tan tự nhiên kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk, số (3/0), dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
212	Chỉ không tan tự nhiên kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk, số (2/0), dài 75cm, kim tam giác 26mm, 3/8 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
213	Chỉ không tan tự nhiên kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk, số (2/0), dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
214	Chỉ không tan tự nhiên kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk số 0, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
215	Chỉ không tan tự nhiên kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk số 1, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
216	Chỉ tan chậm tự nhiên kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut, số (4/0), dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
217	Chỉ tan chậm tự nhiên kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut, số (3/0), dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á

218	Chỉ tan chậm tự nhiên kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut, số (2/0), dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
219	Chỉ tan chậm tự nhiên kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut, số (2/0), dài 75cm, kim tròn 36mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
220	Chỉ tan chậm tự nhiên kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 0, dài 75cm, kim tròn 30mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
221	Chỉ tan chậm tự nhiên kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 0, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
222	Chỉ tan chậm tự nhiên kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 1, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
223	Chỉ tan chậm tự nhiên kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 1, dài 75cm, kim tròn 40mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
224	Chỉ không tan tổng hợp 2 kim	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon, số (10/0), dài $\geq 30$ cm, 2 kim hình thang, 3/8 vtr hoặc tương đương		Tép	Châu Âu/G7
225	Chỉ không tan tổng hợp kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon, số (6/0), dài 75cm, kim tam giác 13 mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Châu Âu/G7
226	Chỉ không tan tổng hợp kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon, số (4/0), dài 75cm, kim tam giác 18mm, 3/8 vtr hoặc tương đương		Tép	Châu Âu/G7
227	Chỉ không tan tổng hợp có kim	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon, số (3/0), dài 75cm, kim 26mm, 3/8 vtr hoặc tương đương		Tép	Châu Âu/G7
228	Chỉ không tan tổng hợp kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon, số (2/0), dài 75cm, kim tam giác $\geq 26$ mm, 3/8 vtr hoặc tương đương		Tép	Châu Âu/G7
229	Chỉ không tan tổng hợp 2 kim tròn	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số (7/0), dài 60cm, 2 kim tròn hoặc tương đương		Tép	
230	Chỉ không tan tổng hợp kim tròn	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số (2/0), dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	
231	Chỉ tan tổng hợp kim tròn đầu tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số (3/0), dài $\geq 70$ cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Bắc Mỹ/Châu Âu/G7
232	Chỉ tan tổng hợp kim tròn đầu tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số (2/0), dài 75cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Bắc Mỹ/Châu Âu/G7
233	Chỉ tan tổng hợp kim tròn đầu tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số (2/0), dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Bắc Mỹ/Châu Âu/G7
234	Chỉ tan tổng hợp kim tròn đầu tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số 0, dài 90cm, kim tròn đầu tròn dài 40mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Bắc Mỹ/Châu Âu/G7

235	Chỉ tan tổng hợp khâu gan	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 1, khâu gan, dài 100cm hoặc tương đương		Tép	Bắc Mỹ/Châu Âu/G7
236	Chỉ tan tổng hợp kim tròn đầu tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn số 1 dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 31mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Bắc Mỹ/Châu Âu/G7
237	Chỉ tan tổng hợp kim tròn đầu tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn dài 40mm, 1/2 vtr hoặc tương đương		Tép	Bắc Mỹ/Châu Âu/G7
238	Chỉ thép khâu xương bánh chè	Chỉ thép khâu xương bánh chè số 7 dài 60cm, kim tam giác 1/2 vtr dài 120mm hoặc tương đương		Tép	Đông Nam Á
239	Dây cưa sọ não	Dây cưa sọ não hoặc tương đương		Sợi	
240	Dao mổ	Dao mổ số 15 hoặc tương đương		Cái	
241	Dao mổ	Dao mổ số 20 hoặc tương đương		Cái	
242	Dao mổ	Dao số 11 hoặc tương đương		Cái	
243	Miếng dán mi mắt	Miếng dán mi mắt dùng trong phẫu thuật phaco hoặc tương đương		Miếng	
244	Điện cực	Điện cực dán/ miếng dán điện cực các loại hoặc tương đương		Cái	
245	Giấy đo điện tim	Giấy đo điện tim 110mm x 140mm x 143 tờ hoặc tương đương		Xấp	
246	Giấy đo điện tim	Giấy đo điện tim 3 cần 63mm x 30m hoặc tương đương		Cuộn	
247	Giấy in monitor sản khoa	Giấy in monitor sản khoa 152mm x 150mm x 200 tờ hoặc tương đương		Xấp	
248	Giấy monitor sản khoa	Giấy in monitor sản khoa 152mm x 90mm x 150 tờ hoặc tương đương		Xấp	
249	Giấy monitor sản khoa	Giấy in monitor sản khoa 152mm x 30m hoặc tương đương		Cuộn	
250	Giấy in nhiệt (siêu âm)	Giấy in nhiệt (siêu âm) 110mm x 20m hoặc tương đương		Cuộn	
251	Đầu côn	Đầu col vàng thể tích 20 $\mu$ l - 200 $\mu$ l hoặc tương đương		Cái	
252	Đầu côn	Đầu col vàng thể tích 20-200 $\mu$ l, không khóa hoặc tương đương		Cái	
253	Đầu côn	Đầu col xanh thể tích 200-1000 $\mu$ l hoặc tương đương		Cái	
254	Giấy lau kính hiển vi	Giấy lau kính hiển vi hoặc tương đương		Tờ	
255	Pipet pasteur nhựa vô trùng 3ml	Pipet Pasteur nhựa vô trùng 3ml hoặc tương đương		Cái	

256	Sample cup	Sample cup hoặc tương đương		Cái	
257	Lam kính nhám	Lam kính nhám, dài 76mm - 76,2mm; rộng 25,4mm - 26mm; dày 1mm - 1,2mm hoặc tương đương		Cái	
258	Que cấy nhựa vô trùng	Que cấy nhựa vô trùng, mỗi que được đóng gói riêng biệt trong 1 ống hoặc tương đương		Que	
259	Petri nhựa vô trùng	Petri nhựa vô trùng hoặc tương đương		Đĩa	
260	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> , lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, có lớp trong suốt, có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng, rộng 75 mm, dài 70 m hoặc tương đương		Cuộn	
261	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> , lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, có lớp trong suốt, có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng, rộng 100 mm, dài 70 m hoặc tương đương		Cuộn	
262	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> , lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, có lớp trong suốt, có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng, Rộng 150mm, dài 70m hoặc tương đương		Cuộn	
263	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> , lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, có lớp trong suốt, có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng, rộng 200mm, dài 70m hoặc tương đương		Cuộn	
264	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> , lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, có lớp trong suốt, có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng, rộng 250mm, dài 70m hoặc tương đương		Cuộn	
265	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng quy trình plasma khí H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> , lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, có lớp trong suốt, có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng, rộng 350mm, dài 70m hoặc tương đương		Cuộn	
266	Túi hấp tiết trùng	Túi hấp tiết trùng (100mm x 100m) hoặc tương đương		Cuộn	
267	Túi hấp tiết trùng	Túi hấp tiết trùng (150mm x 100m) hoặc tương đương		Cuộn	
268	Túi hấp tiết trùng	Túi hấp tiết trùng (200mm x 100m) hoặc tương đương		Cuộn	
269	Túi hấp tiết trùng	Túi hấp tiết trùng (300mm x 100m) hoặc tương đương		Cuộn	

270	Túi hấp tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng (350mm x 100m) hoặc tương đương		Cuộn	
271	Túi hấp tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng (100mm x 200m) hoặc tương đương		Cuộn	
272	Túi hấp tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng - Chất liệu: * Màng ép bằng polyester và cast polypropylene/polypropylene, độ dày 50-60µm * Giấy y tế, trọng lượng: 60-70 g/m2 - Kích thước: Rộng 100mm dài 200m - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO hoặc tương đương		cuộn	
273	Túi hấp tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng (150mm x 200m) hoặc tương đương		Cuộn	
274	Túi hấp tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng - Chất liệu: * Màng ép bằng polyester và cast polypropylene/polypropylene, độ dày 50-60µm *Giấy y tế, trọng lượng: 60-70 g/m2 - Kích thước: Rộng 150mm dài 200m - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO hoặc tương đương		Cuộn	
275	Túi hấp tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng (200mm x 200m) hoặc tương đương		Cuộn	
276	Túi hấp tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester và Cast Polypropylene/Polypropylene, độ dày 50-60µm *Giấy y tế, trọng lượng: 60-70 g/m2 - Kích thước: Rộng 200mm dài 200m - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO... hoặc tương đương		Cuộn	
277	Túi hấp tiệt trùng	Túi hấp tiệt trùng (300mm x 200m) hoặc tương đương		Cuộn	
278	Miếng test máy rửa dụng cụ	Miếng test máy rửa dụng cụ hoặc tương đương		Miếng	
279	Miếng thử lò hấp	Miếng thử lò hấp hoặc tương đương		Miếng	
280	Catheter lọc máu 2 nòng	Catheter lọc máu 2 nòng dùng cho người lớn Kích cỡ: 12F - 20cm Chất liệu: Polyurethan hoặc tương đương		Cái	
281	Catheter lọc máu 2 nòng	Catheter 2 nòng, Kích cỡ: 11,5 - 12 Fr x 15 - 25cm hoặc tương đương		Cái	
282	Sonde Pezzer	Sonde Pezzer các số hoặc tương đương		Cái	
283	Sonde Pezzer	Sonde Pezzer số 20 hoặc tương đương		Cái	
284	Sonde Pezzer	Sonde Pezzer số 22 hoặc tương đương		Cái	
285	Sonde Pezzer	Sonde Pezzer số 24 hoặc tương đương		Cái	

286	Sonde chữ T	Sonde chữ T các số hoặc tương đương		Cái	
287	Túi camera mổ nội soi	Túi camera mổ nội soi $\geq$ (10cm x 2m) hoặc tương đương		Cái	
288	Bình dẫn lưu màng phổi	Bình dẫn lưu màng phổi bằng nhựa hoặc tương đương		Bộ	
289	Bộ dẫn lưu áp lực âm	Bộ dẫn lưu áp lực âm 400ml hoặc tương đương		Bộ	
290	Clip Polymer kẹp mạch máu các cỡ ML, L, XL	Chất liệu: Polymer không tiêu. Clip thiết kế hình cung. Kẹp được mạch máu cỡ từ 3 mm đến 16 mm. Chiều dài chân clip ngoài lần lượt: 9,5-13-17,8mm. Độ dày chân clip: 0,83-1,29mm hoặc tương đương.		Cái	G7
291	Kìm kẹp clip Polymer nội soi cỡ ML	Dài 33cm, đường kính từ 5mm, chất liệu thép không gỉ, cán xoay 360 độ. Chiều dài mũi kìm: $22,5 \pm 0,5$ mm. Độ mở hàm: $9,2 \pm 0,2$ mm hoặc tương đương.		Cái	G7
292	Kìm kẹp clip Polymer nội soi cỡ: L	Dài 33cm, đường kính từ 10mm, chất liệu thép không gỉ, cán xoay 360 độ. Chiều dài mũi kìm: $39 \pm 0,5$ mm. Độ mở hàm: $12,8 + 0,2$ mm - $0,25$ mm (kìm cỡ L) hoặc tương đương.		Cái	G7
293	Bộ gậy tê ngoài màng cứng	Bộ gậy tê ngoài màng cứng hoặc tương đương		Bộ	
294	Bàn chải phòng mổ	Bàn chải phòng mổ hoặc tương đương		Cái	
295	Săng mổ	Săng mổ 50cm x 50cm (không lỗ) hoặc tương đương		Gói	
296	Tấm trải nylon 100 x 130cm, tiệt trùng	Tấm trải nylon 100cm x $\geq$ 130cm, tiệt trùng hoặc tương đương		Tấm	
297	Bộ khăn sanh mổ	Bộ khăn sanh mổ hoặc tương đương		Bộ	
298	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát hoặc tương đương		Bộ	
299	Áo mổ phẫu thuật chỉnh hình	Áo mổ phẫu thuật chỉnh hình: vải không dệt. Mỗi áo gồm 2 khăn thấm 30x40cm hoặc tương đương		Cái	
300	Tạp dè y tế	Tạp dè y tế hoặc tương đương		Cái	
301	Khẩu trang y tế không tiệt trùng	Khẩu trang 3 lớp hoặc 4 lớp không tiệt trùng hoặc tương đương		Cái	
302	Khẩu trang y tế tiệt trùng	Khẩu trang y tế 3 lớp hoặc 4 lớp tiệt trùng hoặc tương đương		Cái	
303	Nón nam tiệt trùng	Nón nam tiệt trùng hoặc tương đương	Gói/1 cái	Cái	
304	Nón nữ tiệt trùng	Nón nữ tiệt trùng hoặc tương đương	Gói/1 cái	Cái	
305	Bao dây đốt	Bao dây đốt kích thước $\geq$ (7,5cm x 235cm) hoặc tương đương		Cái	
306	Đè lưới	Đè lưới gỗ tiệt trùng hoặc tương đương		Cái	

307	Dây garo	Dây garo hoặc tương đương		Sợi	
308	Kẹp rốn	Kẹp rốn hoặc tương đương		Cái	
309	Bộ điều kinh	Bộ điều kinh hoặc tương đương		Bộ	
310	Lắc đeo tay người lớn, trẻ em	Lắc đeo tay người lớn, trẻ em (màu hồng, màu xanh) hoặc tương đương		Cái	
311	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai TCU 380A hoặc tương đương		Cái	
312	Bao cao su	Bao cao su hoặc tương đương		Cái	
313	Mô vịt phụ khoa nhựa sử dụng 1 lần	Mô vịt phụ khoa nhựa tiết trùng hoặc tương đương		Cái	
314	Ampu bóp bóng (người lớn, trẻ em, sơ sinh)	Ampu bóp bóng (người lớn, trẻ em, sơ sinh) hoặc tương đương		Cái	
315	Bình làm ấm	Bình tạo ấm oxy hoặc tương đương		Cái	
316	Phin lọc khuẩn	Màng lọc khuẩn (02 chức năng) hoặc tương đương		Cái	
317	Phin lọc khuẩn	Phin lọc khuẩn 3 chức năng: Lọc khuẩn, có cổng CO2, giữ ấm hoặc tương đương		Cái	
318	Phin lọc khuẩn	Lọc vi khuẩn cho máy hô hấp (Lọc khuẩn đo chức năng Koko) hoặc tương đương		Cái	
319	Phim nha	Phim nha 3cm x 4cm hoặc tương đương		Tấm	
320	Phim khô laser 20cm x 25cm	Phim khô laser 20cm x 25cm sử dụng cho máy Fuji DryPix 6000 (8x10") hoặc tương đương		Tấm	
321	Phim khô 35cm x 43cm	Phim khô 35cm x 43cm sử dụng cho máy CT-Scan Drypix Smart hoặc tương đương		Tấm	
322	Phim X-ray khô nhiệt 20cm x 25cm	Phim X-ray khô nhiệt 20cm x 25cm hoặc tương đương		Tấm	
323	Băng che mắt	Băng che mắt chiếu đèn hoặc tương đương		Cái	
324	Cone phụ A, B, C, D	Cone phụ dùng kết hợp với cone chính trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. Côn phụ A, B, C, D dài 24mm, 30mm Hoặc tương đương		Cái	Châu Âu
325	Mũi đánh bóng silicon	Đầu đánh bóng răng bằng silicon dùng trong trám răng composite Chất liệu: phần đầu bằng silicone, phần thân bằng nhựa hoặc thép không gỉ Hình dạng: đĩa, chóp Chiều dài: từ 2,5 cm - 3 cm Tương thích với tay khoan khuỷu/thăng tốc độ chậm Hoặc tương đương		Cái	Châu Mỹ

326	Mũi đánh bóng composite	Mũi đánh bóng composite hình búp lửa dùng cho tay khoan nhanh. Chất liệu đá abrasives hoặc tương đương		Cái	Châu Mỹ
327	Lentulo số 30	Lentulo số 30, dụng cụ đưa xi măng trám và thuốc vào ống tủy răng. Kích thước: Size 1 - đỏ Size 2 - xanh dương Size 3 - xanh lá Size 4 - đen Chiều dài: 21mm và 25mm Hoặc tương đương		Cây	Châu Âu
328	Lentulo số 25	Lentulo số 25, dụng cụ đưa xi măng trám và thuốc vào ống tủy răng. Kích thước: Size 1 - đỏ Size 2 - xanh dương Size 3 - xanh lá Size 4 - đen Chiều dài: 21mm và 25mm Hoặc tương đương		Cây	Châu Âu
329	Trâm gai lấy tủy	Trâm gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy, đầu trâm thép không gỉ - Kích cỡ: có 7 size tương ứng với các màu: 20 - Tím; 25 - Trắng; 30 - Vàng; 35 - Đỏ; 40 - Xanh dương; 50 - Xanh lá; 60 - Đen Hoặc tương đương		cây	Châu Âu
330	Trâm nội nha	Trâm dũa H-file, tạo hình và làm mịn bề mặt ống tủy sau khi sử dụng K-Reamer và K-file Sử dụng theo phương pháp Stepback. Độ xoắn 2% không đổi. Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm Size: số 08, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 70, 80 Hoặc tương đương		Cây	Châu Âu
331	Trâm nội nha	Dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy lớn - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo: Mặt cắt hình vuông và mặt cắt hình tam giác. - Kích cỡ: + Mặt cắt hình vuông: từ số 6 → số 40 + Mặt cắt hình tam giác: từ số 45 → số 140 Chiều dài: 21mm, 25mm, 31mm - Độ xoắn: 2% Hoặc tương đương		Cây	Châu Âu
332	Lên ngang (spreaders)	Lên ngang nội nha Được làm bằng thép không gỉ Chiều dài: 21 mm Kích cỡ: 15, 20, 25, 30, 35, 40 Hoặc tương đương		Cây	Châu Âu
333	Đai matrix	Được làm bằng loại nhựa siêu mỏng, trám xoang II và xoang III. loại Cenuro hoặc tương đương		Cái	Châu Âu
334	Thun mắc liên hàm	Thun kéo mắc cài các cỡ dùng trong thủ thuật chỉnh nha Chất liệu: cao su latex thiên nhiên		Sợi	Châu Mỹ

		Kích thước: đường kính từ 3,0mm đến 9,5mm Hoặc tương đương			
335	Băng nhám kê các loại	Dụng cụ mài kẽ răng phủ kim cương một mặt, loại không đục lỗ (tron) hoặc có đục lỗ (P), không răng cưa. Chiều dài 147mm, chiều rộng 3,75mm Hoặc tương đương		sợi	Châu Âu
336	Giấy cắn	Giấy cắn sử dụng trong nha khoa Giấy cắn được phủ một lớp mực Giấy có hai mặt xanh đỏ Hoặc tương đương		Tờ	
337	Cọ bôi keo trám đên (Cọ composite)	Dụng cụ bôi (quét) composite (cọ bond) Độ bóng bề mặt cao Nhựa PP không màu, không mùi, không vị, không độc. Sử dụng 1 lần. Hoặc tương đương		Cây	
338	Chổi đánh bóng	Chổi cước đánh bóng răng, màu trắng, đầu chổi hình trụ. Đường kính 7mm, chiều dài phần cước 5mm, chiều dài tổng 27 mm. Hoặc tương đương		Cây	Châu Âu
339	Sò đánh bóng	Sò đánh bóng bao gồm Prophycare Blue: đánh bóng thô Prophycare Green: đánh bóng trung bình Hoặc tương đương		Cái	Châu Âu
340	Mặt gương nha	Mặt gương nha. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương		Cái	
341	Cán gương nha	Cán gương nha. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương		Cái	
342	Ống tiêm nha	Ống chích nha khoa kích cỡ 1,8 mm. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương.		Cái	
343	Mũi khoan Thép	Mũi mài xương các cỡ. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương.		Cái	Châu Âu
344	Mũi khoan Thép	Mũi khoan thép. Chất liệu: Thép không gỉ Tương thích với các loại tay khoan Tay khoan nhanh (High-speed handpiece, turbine) Tay khoan chậm (Low-speed handpiece) Tay thẳng (Straight handpiece – phẫu thuật) Kích thước đầu mũi Đường kính: Từ 0,5 mm đến 2,3 mm Chiều dài phần cắt: Từ 3 mm đến 15 mm Hoặc tương đương		Cái	Châu Âu
345	Mũi khoan kim cương	Mũi khoan kim cương đầu tròn, đầu búp lữa, đầu hình trụ, các cỡ Có các loại hạt kim cương với độ thô khác nhau: Medium 64-126 micron (M); Ultrafine 15 micron (UF), super fine 10-36 micron (SF), Fine 27-76 micron thô (F), Course 107-181 micron (C), Supper course 151-213 micron (SC) Chiều dài: 19mm Hoặc tương đương		Cái	Châu Âu
346	Dây dẫn đường dùng trong	Dây dẫn đường Hydrophilic có lõi Nitinol chống gấp khúc, vỏ ngoài phủ Hydrophilic (lớp phủ ái nước) giúp		Cái	G7

	niệu quản	giảm ma sát, giảm thiểu tối đa tổn thương mô. Kích thước 0,032'', 0,035'', dài 150cm, có đầu flexible tip dài 3cm hoặc tương đương			
347	Ống thông JJ	Ống thông JJ Ống thông niệu quản polyurethane (dạng cơ bản, hai đầu xoắn), hai đầu hình chữ J, có 02 vòng xoắn trên mỗi đầu chữ J; Các kích thước: 6,0Fr-26cm, 7,0Fr-26cm. Có thể thích nghi trong cơ thể con người tối thiểu 30 ngày hoặc tương đương		Cái	Châu Âu/G7
348	Ống thông JJ	Ống thông JJ loại mềm đặt nong niệu quản, chất liệu mềm, dài 26 cm đầu mở, hai đầu hình chữ J. Các cỡ từ số 6Fr; 7Fr; 8Fr. thời gian đặt lưu trong cơ thể lâu 6-12 tháng hoặc tương đương		Cái	Châu Âu/G7
349	Rọ lấy sỏi niệu quản	Rọ lấy sỏi niệu quản. Tay cầm bằng nhựa, Ống được làm bằng PTFE. Rọ và dây được làm bằng Nitinol. Rọ có hình dạng Helical, Tipless, Flatwire, rọ có 4 dây, kích thước rọ: 3Fr, 4Fr. Chiều dài rọ: 70cm, 90cm, 120cm. hoặc tương đương		Cái	Châu Âu
350	Dụng cụ cắt khâu nối tròn	Dụng cụ khâu cắt nối tròn khâu ống tiêu hóa Chất liệu: ghim titanium Công nghệ Tri-Staple 3 hàng ghim dập với chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3,0mm; 3,5mm; 4,0mm, chiều cao ghim đóng từ 1,2mm-1,75mm. Hoặc tương đương		Cái	G7
351	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng các cỡ	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi các cỡ Chất liệu: ghim titanium Công nghệ Tri-Staple. Kích thước: Sau khi lắp băng ghim tương thích có khả năng gấp góc tổng 90 độ 2 bên, gấp góc 45 độ mỗi bên. Trục dài 16cm. Hoặc tương đương		Cái	G7
352	Băng ghim nội soi	Chất liệu: 66 ghim titanium Kích thước: dài 45mm, chiều cao ghim 3,0mm-3,5mm- 4,0mm. Băng ghim nội soi có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, công nghệ Tri-Staple. Hoặc tương đương.		Cái	G7
353	Băng ghim nội soi	Chất liệu: 90 ghim titanium Kích thước: dài 60mm, chiều cao ghim 3,0mm-3,5mm- 4,0mm. Băng ghim nội soi có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, công nghệ Tri-Staple. Hoặc tương đương		Cái	G7
354	Băng ghim mổ hở	Chất liệu: ghim titanium Kích thước: chiều cao ghim từ trong ra ngoài 3,0mm, 3,5mm, 4,0mm, chiều dài thân dụng cụ 80mm. Băng ghim cắt khâu nối thẳng mổ hở, công nghệ Tri-Stapler, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều dài thân dụng cụ 80mm. Hoặc tương đương		Cái	G7
355	Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ mở	Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ mở. Chất liệu:ghim titanium, công nghệ Tri-Stapler, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều dài thân dụng cụ 80-3,5mm. Hoặc tương đương		Cái	G7
356	Trocar nội soi không dao	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi 5mm Chất liệu:		Cái	G7

	5mm	Thân: chất liệu polyamide, Polysorprene và silicon oil Nòng: chất liệu Polyamide, Acrylonitrile-butadiene-styrene và Versaflex Thermoplastic Elastomer Có Van khí: 2 chiều Hoặc tương đương.			
357	Trocar nội soi không dao 12 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi 12mm Chất liệu: Thân: chất liệu polyamide, Polysorprene và silicon oil Nòng: chất liệu Polyamide, Acrylonitrile-butadiene-styrene và Versaflex Thermoplastic Elastomer Có Van khí: 2 chiều Hoặc tương đương.		Cái	G7
358	Dụng cụ giúp cố định lưới thoát vị	Dụng cụ giúp cố định lưới thoát vị, chất liệu Titanium, có 30 ghim hình xoắn ốc, cao 3,8mm, rộng 4mm hoặc tương đương.		Cái	G7
359	Lưới điều trị thoát vị 6.4cm x 11.4cm	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene 6,4cm x 11,4cm, kích thước lỗ 2 - 3mm, khối lượng 40 - 45g/m <sup>2</sup> hoặc tương đương.		Miếng	Bắc Mỹ
360	Lưới điều trị thoát vị 15cm x 15cm	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene 15cm x 15cm, kích thước lỗ 2 - 3mm, khối lượng 40 - 45g/m <sup>2</sup> hoặc tương đương.		Miếng	Bắc Mỹ
361	Mảnh ghép thoát vị 10cm x 15 cm	Mảnh ghép thoát vị Polypropylene 10cm x 15cm, kích thước lỗ 1,5mm, khối lượng 60g/m <sup>2</sup> hoặc tương đương.		Miếng	Châu Âu
362	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở, 75mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở 75mm, chiều dài đường ghim $\geq 81$ mm; chiều dài đường cắt $\geq 78$ mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, phù hợp với các loại mô, gồm 118 $\pm$ 1 ghim làm bằng titanium alloy với công nghệ 6 hàng ghim 3D hoặc tương đương.		Cái	Bắc Mỹ
363	Ghim khâu dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở 75mm	Ghim khâu (băng đạn) 75mm của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở 75mm, chiều dài đường ghim $\geq 81$ mm; chiều dài đường cắt $\geq 78$ mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, 118 $\pm$ 1 ghim dạng 3-D làm bằng titanium alloy với 6 hàng ghim, dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở 75 mm hoặc tương đương		Cái	Bắc Mỹ
364	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc 60mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc 60mm với công nghệ giữ mô bề mặt (GST); đường kính cán 12mm, chiều dài cán $\geq 34$ cm, gấp góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm hoặc tương đương		Cái	Bắc Mỹ
365	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 88 ghim	Băng đạn (ghim khâu) các cỡ gồm 88 $\pm$ 1 ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với công nghệ giữ mô bề mặt (GST), có 6 hàng ghim, chiều cao ghim đóng các cỡ gồm: 1,0mm, 1,5mm, 1,8mm, 2,0mm, dùng kèm với dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 60mm gấp góc hoặc tương đương.		Cái	Bắc Mỹ
366	Dụng cụ khâu cắt nối tròn cỡ 29mm và 33mm	Dụng cụ khâu cắt nối tròn đầu cong các cỡ 29/33mm, gồm 2 vòng băng ghim với 24/28 $\pm$ 1 ghim, đường kính lưỡi dao 20,4/24,4mm, chiều cao ghim mở 5,2mm, chiều cao ghim đóng có thể điều chỉnh 1,5-2,2mm. Ghim được làm bằng chất liệu hợp kim Titanium Alloy hoặc tương đương		Cái	Bắc Mỹ

367	Dụng cụ khâu cắt mô trĩ	Chất liệu: ghim dập bằng titanium Cỡ 33 mm và 34 mm Đường kính lòng cắt 26 mm Số lượng ghim: 34 ghim Chiều cao ghim mở 3,8 mm, chiều cao ghim đóng 0,75 mm-1,5 mm Đường kính ghim: 0,28mm Đầu đe không tháo rời, buồng chứa dịch trong suốt Ống nong hình tròn và ống nong hình cánh bướm Hoặc tương đương		Cái	
<b>Tổng cộng: 367 phần.</b>					

Ghi chú: Các thông số kỹ thuật về hàng hóa của gói thầu này mô tả chi tiết chỉ mang tính minh họa hoặc tương đương. Tương đương được hiểu là khi hàng hóa có các thông số kỹ thuật, đặc điểm tương đương thì phải có tính chất tương tự, tính năng sử dụng tương đương hàng hóa yêu cầu. Nhà thầu có thể chào hàng hóa có tính chất tương tự, tính năng sử dụng tương đương hàng hóa yêu cầu của E-HSMT này và hàng hóa nhà thầu chào phải phù hợp với yêu cầu, mục đích sử dụng của bên mời thầu.